

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13/3/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Xuân Tính
2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2022/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXX ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lê Hữu S - Sinh năm 1995

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Huyền M - Sinh năm 1994

Cùng địa chỉ: Lô 118 LK 08 MBQH phố N, phường L S, Tp Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Hữu S trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Hữu S và chị Nguyễn Huyền M được gia đình tổ chức trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Lô 118 LK 08 MBQH phố N, phường L S, thành phố Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình giữa anh và chị không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặt khác gia đình chị M không tôn trọng anh, dẫn đến không khí gia đình luôn căng thẳng nặng nề. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng được gia đình hai bên

khuyên bảo nhiều lần, nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Kể từ tháng 10/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có một con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo Q - Sinh ngày 06/5/2019, hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị M. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu Q cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu Q thành niên.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Huyền M trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, chị M thống nhất như nội dung anh S đã khai. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, chị thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm lối sống. Chị nhận thấy anh S không chia sẻ với chị, trong suốt quá trình chung sống anh S chưa bao giờ quan tâm, chăm sóc vợ con một cách chu đáo, còn có thái độ không đúng mực với bố mẹ chị. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh S dọn ra ngoài để ở, chị cũng như bố mẹ chị đã khuyên bảo anh S quay trở về với gia đình, nhưng anh S không về. Nay anh S làm đơn xin ly hôn, chị xét thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh S nên chị không đồng ý ly hôn. Trường hợp anh S cương quyết ly hôn, thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị thống nhất với ý kiến của anh S, vợ chồng có một con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo Q - Sinh ngày 06/5/2019, hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị. Trường hợp phải ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Q thành niên.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Thu thập chứng cứ tại địa phương: Anh Lê Hữu S và chị Nguyễn Huyền M là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình vợ chồng chung sống giữa vợ chồng anh S chị M xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ, địa phương được biết hiện nay anh chị đang sống ly thân; Về con chung: Vợ chồng anh S chị M có một con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo Q - Sinh ngày 06/5/2019, hiện nay cháu Q đang ở với chị M; Về tài sản công nợ của anh S, chị M địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không bổ sung thêm nội dung nào khác.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân

sự. Về yêu cầu khởi kiện: đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Lê Hữu S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Huyền M có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa, nên Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh Lê Hữu S và chị Nguyễn Huyền M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hữu S thấy rằng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh cương quyết xin ly hôn. Chị M thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng, thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, nhưng cho rằng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn và chị vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh S nên chị không đồng ý ly hôn. Thực tế cho thấy, hôn nhân muốn tồn tại trước hết vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, chia sẻ buồn vui, cùng có trách nhiệm và chung sống hòa thuận với nhau, cùng nhau xây dựng kinh tế, hạnh phúc gia đình. Qua xem xét lời khai của anh S chị M, cung cấp của chính quyền địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: vợ chồng anh S chị M do bất đồng quan điểm sống, anh chị không chia sẻ vui buồn với nhau, không hiểu và thông cảm với nhau dẫn đến vợ chồng đổ lỗi cho nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày thêm tích tụ, khó giải quyết. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị M không đồng ý ly hôn, nhưng chị không có biện pháp gì để níu giữ gia đình, mà mặc nhiên để anh S đơn phương ly hôn. Do đó, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh S, xử cho anh được ly hôn chị M.

[3] *Về con chung*: Anh chị có một con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo Q - sinh ngày 06/5/2019, hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị M, chị M vẫn nuôi dạy cháu đảm bảo về mọi mặt. Bản thân chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, cũng là quan điểm anh S. Do vậy công nhận sự thỏa thuận về con chung giữa anh S và chị M, giao cháu Q cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng là phù hợp, Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, công nợ chung*: Anh, chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, anh Lê Hữu S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27, khoản 1.1 Điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Hữu S được ly hôn chị Nguyễn Huyền M.

Về con chung: Công nhận cháu Lê Nguyễn Bảo Q - Sinh ngày 06/5/2019 con chung của anh S, chị M. Giao cháu Q cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu Q thành niên.

Anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Anh S phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002642 ngày 19/12/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh S còn phải nộp 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA DS TP.Thanh Hoá;
- UBND P. B, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Quỳnh

